

Về khái niệm và đặc điểm của hình phạt bổ sung trong Luật hình sự

Trịnh Quốc Toàn*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 09 tháng 12 năm 2008

Tóm tắt. Trong bài viết tác giả đã làm rõ nội hàm của khái niệm hình phạt bổ sung (HPBS) trên cơ sở nghiên cứu các học thuyết về hình phạt trên thế giới và lý luận về hình phạt của các học giả Việt Nam và đã đưa ra định nghĩa khoa học về HPBS. Trên cơ sở những đặc điểm chung về hình phạt, bài viết đã nêu và phân tích những đặc điểm riêng của HPBS trong mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, đó là các đặc điểm: được Tòa án áp dụng kèm theo hình phạt chính (HPC); ít nghiêm khắc hơn HPC; có thể áp dụng một hoặc nhiều HPBS kèm theo HPC đối với mỗi tội phạm; không áp dụng với người chưa thành niên phạm tội.

1. Khái niệm

Hình phạt và HPBS, nhìn dưới góc độ triết học có mối quan hệ nội tại, tương tác với nhau. Đây là mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, trong đó HPBS là cái riêng, còn hình phạt là cái chung. “Cái chung là phạm trù dùng để chỉ những mặt, những bộ phận, những thuộc tính giống nhau được lặp lại ở các sự vật, hiện tượng hay quá trình riêng lẻ khác nhau [1]. Như vậy, với tư cách là cái chung, phạm trù hình phạt bao giờ cũng được đặt trong quan hệ với HPBS với tư cách là cái riêng. Hình phạt là hình phạt chung của những HPBS, không thể có hình phạt nằm ngoài các HPBS, độc lập với HPBS. Chính vì lý lẽ đó muốn hiểu được khái niệm HPBS với các mặt khác nhau của nó thì nhất thiết phải nhận thức được khái niệm hình phạt.

Hình phạt là một phạm trù pháp lý - xã hội rất phức tạp, mang tính khách quan, gắn liền với sự xuất hiện của Nhà nước và pháp luật, vì thế nó được nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau như triết học, thần học, giáo dục học, đạo đức học, tâm lý học, tội phạm học, hình sự học. Theo tiếng Latin hình phạt có tên gọi là poena, tiếng Pháp là peine, tiếng Anh là punishment, tiếng Đức là Strafe.

Trong lĩnh vực khoa học Luật hình sự (LHS), hình phạt là một trong những đối tượng nghiên cứu chủ yếu. Việc làm sáng tỏ và nắm bắt một cách sâu sắc, cũng như lập luận mang tính khoa học khái niệm hình phạt là một vấn đề hết sức quan trọng. Trong lịch sử và trong lý luận về Luật hình sự (LHS), đã có nhiều thế hệ những nhà khoa học trong và ngoài nước cố gắng đưa ra câu trả lời cho vấn đề tưởng như đơn giản này, nhưng cho đến nay vẫn còn có các quan điểm khác nhau. Nhìn chung, các quan điểm đó có thể được phân thành hai loại. Loại thứ nhất coi hình phạt là công cụ trừng trị trả

*ĐT: 84-4-37549177.

E-mail: quoctoan@vnu.edu.vn



thù người phạm tội, lấy sự khắc nghiệt của hình phạt làm điều răn cho người phạm tội; còn loại quan điểm thứ hai coi hình phạt là công cụ pháp lý cần thiết để đấu tranh phòng chống tội phạm, cải tạo giáo dục người phạm tội [2].

Quan điểm coi hình phạt là sự trả thù của nhà nước dựa theo học thuyết trừng trị (Vergeltungstheorie) hay còn gọi là học thuyết hình phạt tuyệt đối (Absolute Straftheorie) do Immanuel Kant (1724-1804) [3] và sau đó là Georg Wilhelm Friedrich Hegel (1770-1831) chủ trương. Trong tác phẩm "Metaphysik der Sitten in 1797" (Luân lý siêu hình), I. Kant cho rằng, sự bất công (Unrecht) do hành vi của người phạm tội gây ra phải được đền bù bằng hình phạt, thông qua đó trật tự pháp luật bị xâm phạm được khôi phục [3]. Việc áp dụng hình phạt nhằm đảm bảo công lý, công bằng. Ở đây, I. Kant đòi phải "thực hiện nguyên tắc "ân oán ngang bằng": Đối với tội giết người phải tử hình, đối với tội hiếp dâm-cần thiết kẻ hiếp dâm, tội làm nhục-cần công khai hôn tay người bị làm nhục, v.v..." [5]. Như vậy, cơ sở pháp lý và ý nghĩa của hình phạt theo thuyết hình phạt tuyệt đối, chỉ nằm ở sự trừng trị, trả thù có nghĩa là bằng việc áp dụng hình phạt, sự bất công mà người phạm tội đã có lỗi gây ra được đền bù công bằng. Người phạm tội là người làm điều ác, mang nợ đối với xã hội nên cần phải trả bằng hình phạt, họ là kẻ thù của xã hội chứ không phải là thành viên của xã hội, vì vậy hình phạt chỉ có mục đích tự thân trừng trị, trả thù, chứ tuyệt đối không có mục đích phòng ngừa tội phạm. Theo Giáo sư J.J. Haus, một học giả người Bỉ: "Các học thuyết tuyệt đối có cơ sở duy nhất là nguyên tắc trừng trị... Tòa án muốn rằng cái tốt được thưởng bằng cái tốt, và cái xấu bị trừng trị bởi cái xấu. Vì vậy, hình phạt là hợp pháp, khi nó trừng phạt người vi phạm pháp luật đạo đức, và rằng nó có bốn phận duy trì trật tự đạo đức" [6].

Còn G.W.F. Hegel đã coi hình phạt là sự phủ định của sự phủ định (Negation der Negation). G.W.F. Hegel cho rằng, tội phạm là sự phủ định các quyền, nên hình phạt là công cụ để phủ định tội phạm, nhằm khôi phục lại các

quyền đã bị vi phạm. Hình phạt là sự trừng trị, trả thù của Nhà nước, là điều ác trả bằng điều ác. Theo ông, hình phạt chỉ có mục đích tự thân, không có mục đích cải tạo, răn đe, phòng ngừa chung [7].

Do có quan điểm coi hình phạt là công cụ trừng trị, trả thù của Nhà nước, nên hình phạt được các học giả định nghĩa như là "sự đau đớn về thể chất hoặc tinh thần hoặc sự bất lợi nhất định nào đó dành cho người có hành vi phạm tội theo một bản án hoặc quyết định của Tòa án" [8]. Chẳng hạn như:

E. Ferri, học giả người Italia đã quan niệm hình phạt là "sự tổn hại về thể chất hoặc tinh thần trừng trị sự xâm phạm trật tự của một xã hội nhất định" [9].

Giáo sư Rossi, một học giả người Bỉ, đã coi hình phạt "đúng nghĩa, là một sự đau đớn mà quyền lực xã hội buộc chủ thể của tội phạm do luật quy định phải chịu... Hình phạt cần phải là sự đau đớn, nặng, nhẹ, ít quan trọng" [10].

Giáo sư J.J. Haus cũng đồng quan điểm với giáo sư Rossi khi định nghĩa "hình phạt là sự đau đớn mà người ta làm cho chủ thể của hành vi phạm pháp chịu đau khổ vì nguyên nhân của hành vi này; đó là tổn hại mà người phạm tội phải chịu bởi vì anh ta đã làm một điều ác" [11].

Nguyễn Huy Chiểu, Giáo sư Viện Đại học Sài Gòn có quan điểm tương tự như các học giả Bỉ nêu trên khi định nghĩa: "Hình phạt là một sự đau đớn mà quốc gia nhân danh công ích buộc kẻ phạm tội phải chịu sau khi đã có một bản án xác định tội lỗi về sự vi phạm luật lệ" [12].

Như vậy, những người ủng hộ học thuyết trừng trị nhìn thấy ở trừng trị như là sự phản ứng đối với tội phạm, là sự biểu lộ phản đối về mặt đạo lý đối với những hành vi nhất định xâm phạm các quy tắc xã hội đã được thiết lập. Theo cách tiếp cận này, hình phạt không cần có mục tiêu phòng ngừa tội phạm trong tương lai. Nó không có mục tiêu trực tiếp mà chỉ là sự phản ứng.

Quan niệm về hình phạt như trên, thường đặc trưng cho LHS thời kỳ phong kiến hoặc LHS của một số nước bị ảnh hưởng l

tục tập quán hay tôn giáo hà khắc. LH



nước này thường quy định các loại hình phạt được áp dụng rất tàn bạo có tính nhục hình tra đập lên nhân phẩm danh dự của con người.

Theo tiến trình phát triển của xã hội, bên cạnh các học thuyết trừng trị hay là học thuyết hình phạt tuyệt đối xuất hiện các học thuyết về phòng ngừa tội phạm hay còn gọi là học thuyết hình phạt tương đối (relative Straftheorien) do Cesare Beccaria (1738-1794) khởi xướng, sau đó là Jeremy Bentham (1748-1832), P.J.A. Feuerbach (1775-1833) và F.V. Liszt (1851-1919). Theo học thuyết này, hình phạt không hướng vào việc trả thù người phạm tội mà chỉ nhằm phòng ngừa tội phạm trong tương lai.

Do không có học thuyết nào là phù hợp, vượt trội để biện minh cho sự tồn tại của hình phạt, nên có nhiều học giả đã hợp nhất hai loại học thuyết tuyệt đối và tương đối trên thành học thuyết liên hợp (Vereinigungstheorie), mà những người đại diện xuất sắc là A. Merkel [13]; R. V. Hippel [14]; H.L.A. Hart [15]. Theo học thuyết này, hình phạt không chỉ có mục đích trừng trị mà còn phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung.

Với nhận thức về cơ sở pháp lý và ý nghĩa của hình phạt như trên, nên trong KHLHS nước ngoài có những định nghĩa về khái niệm hình phạt như:

"Hình phạt là sự trừng trị được luật quy định để phòng ngừa và trấn áp hành vi cấu thành tội phạm gây tổn hại đến trật tự xã hội...; Sự trừng trị buộc người phạm tội phải chịu trong lĩnh vực hình sự thuộc quyền của Thẩm phán hình sự, chiếu theo quy định của pháp luật" [16].

"Hình phạt là sự đền bù của hành vi trái pháp luật nghiêm trọng bằng sự trừng phạt các điều ác được làm thích ứng với mức độ của sự bất công và lỗi. Nó là sự khiển trách công khai hành vi trái pháp luật, qua đó khôi phục lại công lý. Ngoài ra, hình phạt cần phải mở rộng sự tác động tích cực vào người phạm tội..." [17].

Trong KHLHS Liên Xô và Liên bang Nga ngày nay có các quan điểm coi hình phạt hoặc là biện pháp cưỡng chế của nhà nước do Tòa án

nhân danh nhà nước áp dụng đối với người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm nhằm mục đích ngăn ngừa chung và ngăn ngừa riêng (Natasev A.E., Xtruchkôv H.A., Nôi I.X., Bêlaev N.A.); hoặc là sự trừng trị, tức là gây cho người có tội những sự đau đớn và những sự tước đoạt do luật định mà người đó phải chịu (Đementrev X.I); hoặc là một trong các biện pháp đấu tranh chống tội phạm mà nội dung của nó là kết hợp thuyết phục với cưỡng chế (Karpets) [18].

Còn trong KHLHS Việt Nam, các học giả luôn đi theo tư tưởng tiến bộ, nhân đạo về hình phạt, nên đã đưa ra những quan niệm về hình phạt mà về cơ bản là thống nhất, mặc dù trong mỗi quan niệm đó có những sự khác nhau nhất định, chẳng hạn như:

GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa định nghĩa: "Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nhà nước nghiêm khắc nhất được quy định trong LHS, do Tòa án áp dụng cho chính người đã thực hiện tội phạm, nhằm trừng trị và giáo dục họ, góp phần vào việc đấu tranh phòng và chống tội phạm, bảo vệ chế độ và trật tự xã hội cũng như các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân" [19].

GS.TS. Võ Khánh Vinh quan niệm: "Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất do luật quy định được Tòa án nhân dân nhân danh Nhà nước quyết định trong bản án đối với người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm và được thể hiện ở việc tước đoạt hoặc hạn chế các quyền và lợi ích do pháp luật quy định đối với người bị kết án" [20].

Theo TS. Ưông Chu Lưu và TS. Nguyễn Đức Tuấn thì hình phạt được hiểu là "biện pháp cưỡng chế của nhà nước do Tòa án áp dụng đối với người thực hiện tội phạm theo quy định của LHS, tước bỏ hoặc hạn chế những quyền và lợi ích nhất định của người bị kết án nhằm mục đích cải tạo, giáo dục người phạm tội và ngăn ngừa tội phạm" [21].

Còn PGS.TSKH. Lê Cẩm thì coi: "Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm của nhà nước được quyết định trong t



tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án để tước bỏ hay hạn chế quyền, tự do của người bị kết án theo các quy định của pháp luật hình sự" [22].

Định nghĩa pháp lý về hình phạt cũng được ghi nhận trong Bộ Luật hình sự (BLHS) của một số nước trên thế giới, như Điều 43 BLHS mới của Nga định nghĩa: "Hình phạt là biện pháp cưỡng chế về mặt nhà nước được quyết định theo bản án của Tòa án, được áp dụng đối với người bị coi là có lỗi trong việc thực hiện tội phạm, và được thể hiện trong việc tước bỏ hoặc hạn chế các quyền và tự do của người đó theo quy định của BLHS" [23]. Còn ở Việt Nam, lần đầu tiên trong BLHS năm 1999, nhà làm luật đã ghi nhận định nghĩa pháp lý về khái niệm hình phạt tại Điều 26 như sau: "Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong BLHS và do Tòa án quyết định".

Như vậy, trong KHLHS Việt Nam và nước ngoài, cũng như trong luật thực định, đã đưa ra các định nghĩa khác nhau về khái niệm hình phạt và hầu như mỗi định nghĩa trong số đó, theo chúng tôi đều có những hạt nhân hợp lý, mỗi định nghĩa đã chỉ ra một cách tương đối rõ ràng hoặc là về một hoặc nhiều khía cạnh cơ bản của hình phạt như: vai trò, bản chất, nội dung, đặc điểm và mục đích của hình phạt. Điều đó được giải thích rằng hình phạt là một phạm trù, một hiện tượng xã hội phức tạp, có nhiều hình nhiều vẻ, không những mang tính khách quan, lịch sử mà còn mang tính giai cấp nữa. Một định nghĩa nào đó không thể bao quát hết được các đặc điểm của tất cả các thuộc tính của nó. Do đó, chúng tôi chỉ mong muốn làm sao các nhà khoa học có sự nhận thức thống nhất nào đó, dù chỉ là tương đối, về hình phạt.

Theo chúng tôi, để có một khái niệm đúng đắn và đầy đủ về hình phạt với tư cách là một hiện tượng xã hội, khái niệm đó cần phản ánh được những đặc trưng thuộc bản chất, nội dung của nó. Đồng thời để định nghĩa hình phạt, chúng ta cũng cần xuất phát từ các dấu hiệu đặc trưng khác của nó nữa.

Trên cơ sở tổng kết tất cả các quan điểm, các mô hình định nghĩa trên đây về hình phạt, chúng tôi có thể đề xuất một định nghĩa về khái niệm hình phạt như sau: Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nhà nước nghiêm khắc nhất, được quy định trong LHS, do Tòa án nhân danh Nhà nước tuyên trong bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật đối với chính người đã có lỗi trong việc thực hiện tội phạm, tước bỏ hoặc hạn chế những quyền và lợi ích nhất định của người bị kết án nhằm cải tạo, giáo dục người phạm tội, phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung.

Về HPBS, trong KHLHS nước ngoài, các học giả cũng đã có quan tâm đến vấn đề này. Tuy nhiên, khi đưa ra quan niệm của mình về HPBS, họ thường chủ yếu dựa vào các đặc điểm như: HPBS được áp dụng kèm theo phạt hành chính (HPC); được quy định trong luật thực định; do Thẩm phán tuyên bố rõ ràng trong bản án kết tội. Chẳng hạn như: "Các HPBS về nguyên tắc được thêm cho HPC. Khi thì Luật buộc Thẩm phán tuyên các hình phạt bổ sung (các HPBS bắt buộc), khi thì Luật chỉ cho Thẩm phán tùy nghi áp dụng (các HPBS tùy nghi)" [24]; "Các HPBS là những hình phạt được quy định đối với một số tội phạm nhất định và nhằm bổ sung cho các HPC...HPBS cần phải được quy định trong luật và được Thẩm phán tuyên phạt rõ ràng" [25]; "HPBS là hình phạt có thể thêm vào HPC khi Luật có quy định nó và được Thẩm phán tuyên đối với người bị kết án" [26]. "Các hình phạt được thêm vào hình phạt chính nhưng nó chỉ áp dụng với người phạm tội nếu đã được tuyên trong bản án kết tội của Tòa án" [27]. "HPBS (Nebenstrafe) là hình phạt chỉ có thể được tuyên kèm theo HPC" [28].

Trong KHLHS Việt Nam, các học giả không chỉ dựa vào đặc điểm đặc thù thuộc bản chất của HPBS, mà còn xem xét các đặc điểm và nội dung, mục đích của loại hình phạt này khi đưa ra quan niệm của mình về mô hình định nghĩa về HPBS. Cụ thể như, trong Bách khoa toàn thư Việt Nam, HPBS được định nghĩa là "hình phạt được Tòa án quyết định thêm cho người bị Tòa án quyết định hình phạt



Tuỳ từng trường hợp phạm tội cụ thể, trong bản án, kèm theo hình phạt chính, Tòa án có thể tuyên một hoặc một số HPBS” [29]. PGS. TS. Trần Văn Độ có quan niệm: “HPBS là hình phạt được áp dụng kèm theo HPC nhằm tăng cường hiệu quả của việc áp dụng hình phạt, đáp ứng mục đích cải tạo, giáo dục người phạm tội, phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng” [30]. TS. Ưng Chu Lưu thì cho rằng: “HPBS là biện pháp cưỡng chế của Nhà nước được quy định trong Bộ Luật hình sự, do Tòa án áp dụng đối với người phạm tội, phản ánh sự đánh giá của Nhà nước về hành vi phạm tội và người đã thực hiện hành vi đó” [31]. Còn GS.TS. Võ Khánh Vinh định nghĩa: “HPBS là hình phạt được bổ sung thêm vào HPC và không được tuyên độc lập mà chỉ có thể tuyên kèm theo một HPC. Tuỳ theo từng trường hợp cụ thể của vụ án, kèm theo một HPC Tòa án có thể tuyên một hoặc vài HPBS” [32].

Theo các quan niệm về khái niệm chung về hình phạt nêu trên, và các đặc điểm, bản chất, ý nghĩa, vai trò, chức năng của HPBS, chúng tôi có thể đưa ra định nghĩa về HPBS như sau: HPBS là biện pháp cưỡng chế Nhà nước nghiêm khắc nhất được quy định trong Luật hình sự, do Tòa án nhân danh Nhà nước tuyên kèm theo HPC trong bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật đối với chính người đã có lỗi trong việc thực hiện tội phạm, tước bỏ hoặc hạn chế những quyền và lợi ích nhất định của người bị kết án nhằm cải tạo, giáo dục người phạm tội, củng cố, hỗ trợ, tăng cường tác dụng của HPC; phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng.

2. Đặc điểm của hình phạt bổ sung

Trong hệ thống hình phạt được quy định tại Điều 28 BLHS năm 1999, ngoài việc quy định 7 HPC theo thứ tự từ thấp đến cao của mức độ nghiêm khắc của Nhà nước, khoản 2, Điều 28 có quy định 07 HPBS, gồm có: Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền

khi không áp dụng là HPC; trục xuất, khi không áp dụng là HPC.

Các HPBS trên trước hết với tư cách là hình phạt nên nó có cả những đặc điểm chung của hình phạt, nhưng cũng có những đặc điểm có tính đặc thù riêng của nó.

2.1. Những đặc điểm chung

1) Hình phạt là biện pháp cưỡng chế Nhà nước nghiêm khắc nhất trong hệ thống các biện pháp cưỡng chế Nhà nước

Trong đấu tranh phòng và chống tội phạm, để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân Nhà nước ta đã quy định và sử dụng đồng thời nhiều biện pháp về kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, pháp lý... Các biện pháp này đan xen, hỗ trợ nhau và tùy thuộc vào yêu cầu cụ thể của công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm trong từng thời kỳ mà biện pháp này hay biện pháp kia được đặt lên hàng đầu. Trong các biện pháp đấu tranh đó, hình phạt là biện pháp cưỡng chế đặc thù của LHS, nó là cần thiết và không thể thay thế trong đấu tranh phòng và chống tội phạm. "Hình phạt không phải là một cái gì khác ngoài phương tiện để tự bảo vệ mình của xã hội chống lại sự vi phạm các điều kiện tồn tại của nó" [33].

Điều 28 BLHS đã quy định một hệ thống nhiều hình phạt với nội dung cưỡng chế, thuyết phục, giáo dục, nặng, nhẹ khác nhau. Tuy khác nhau về mức độ cưỡng chế nghiêm khắc, nhưng các hình phạt trong hệ thống hình phạt của Nhà nước ta có cùng tính chất là một loại biện pháp cưỡng chế Nhà nước nghiêm khắc nhất trong hệ thống các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước. Tính nghiêm khắc của hình phạt thể hiện ở chỗ, khi được áp dụng hình phạt gây ra sự đau đớn, tổn hại nhất định cho người bị kết án. Người bị áp dụng hình phạt, bao gồm cả HPBS có thể bị tước bỏ hoặc bị hạn chế những quyền và lợi ích thiết thân nhất như quyền tự do (hình phạt tù, cấm cư trú, quản chế, trục xuất), tước quyền chính trị (tước một số quyền công dân, tước quyền (cấm đảm nhiệm chức vụ, tước quyền



nghe hoặc làm công việc nhất định), tước quyền sở hữu (phạt tiền, tịch thu tài sản), thậm chí họ có thể bị tước cả quyền sống (tử hình). Ngay cả những hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, về hình thức có thể giống các hình thức xử phạt hành chính như: cảnh cáo, phạt tiền, nhưng với tính cách là hình phạt hình sự các hình phạt này vẫn có tính nghiêm khắc hơn hẳn, bởi vì các loại hình phạt, bất kể nặng hay nhẹ đều dẫn tới hậu quả pháp lý chung là làm cho người bị kết án phải mang án tích trong một thời hạn nhất định. “Tình tiết có án tích sẽ là đặc điểm về nhân thân bất lợi cho người có đặc điểm đó trong nhiều hoạt động của đời sống xã hội cũng như khi có hành vi phạm pháp luật hay phạm tội. Sự nghiêm khắc của hình phạt còn thể hiện ở chỗ các biện pháp cưỡng chế khác của nhà nước, bao gồm cả các biện pháp tư pháp hình sự có thể áp dụng kèm theo hình phạt, nhưng hình phạt không bao giờ được áp dụng kèm theo các biện pháp đó.

Xét về nội dung thì bất cứ một loại hình phạt nào cũng chứa đựng trong đó khả năng tước bỏ hoặc hạn chế những quyền và lợi ích thiết thân của người bị kết án, tăng cường nghĩa vụ đối với họ. Như vậy, nội dung cơ bản của HPBS là tính cưỡng chế, trừng trị. Ở đâu không có trừng trị thì ở đó không thể nói đến hình phạt. Nhưng nội dung của HPBS thể hiện không chỉ duy nhất ở sự trừng trị. Cùng với trừng trị, các hình phạt này chủ yếu là những biện pháp giáo dục, thuyết phục. Bằng việc áp dụng hình phạt nói chung, HPBS nói riêng đối với người bị kết án, Nhà nước đã trừng trị và đồng thời lên án họ về việc đã thực hiện hành vi phạm tội, thông qua đó nhằm giáo dục, thuyết phục họ không phạm tội mới, có ý thức tuân theo pháp luật và các nguyên tắc của cuộc sống xã hội, thực hiện việc răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, ở mỗi chế độ xã hội khác nhau nội dung giai cấp cũng như tính chất và mức độ trừng trị của hình phạt được Nhà nước quy định trong LHS là không giống nhau. Điều đó phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức, tâm lý và truyền thống của mỗi nước, mỗi dân tộc.

Hình phạt, bao gồm cả HPBS trong LHS Việt Nam vừa là nội dung, vừa là phương tiện của CSHS của Nhà nước. Với tính chất là một dạng của trách nhiệm hình sự (TNHS) và là một công cụ để thực hiện TNHS, hình phạt chỉ có thể xuất hiện khi có hành vi phạm tội xảy ra, và nó được áp dụng đối với người phạm tội. Mặc dù HPBS cũng mang nội dung trừng trị nhưng không phải nhằm trả thù, đày đọa về thể xác, tinh thần và chà đạp lên nhân phẩm, danh dự của người bị kết án như các HPBS thời kỳ phong kiến (HPBS thời kỳ nhà Trần có các hình phạt: chặt chân tay, ngón tay, thịch chữ vào mặt, tay, bắt làm nô tỳ nhà người khác, xung vợ con người phạm tội làm nô tỳ...), mà là để cải tạo, giáo dục và ngăn ngừa họ phạm tội mới.

2) Hình phạt được quy định trong LHS

Là biện pháp cưỡng chế nhà nước nghiêm khắc nhất, hình phạt chỉ có thể và phải được quy định chặt chẽ trong đạo luật hình sự (lex scripta), chỉ có đạo luật mới có thể xác định hình phạt cho mỗi tội phạm và quyền làm luật chỉ có thể trao cho nhà làm luật - Quốc hội - cơ quan lập pháp cao nhất của nhà nước. Yêu cầu hình phạt phải được quy định trong đạo luật hình sự là sự thể hiện rõ nét nguyên tắc pháp chế về hình phạt trong LHS của Nhà nước pháp quyền. Hiện nay văn bản luật duy nhất quy định các loại hình phạt, trong đó có HPBS là BLHS năm 1999.

Trong BLHS, hình phạt nói chung và HPBS nói riêng được quy định ở cả Phần chung và Phần các tội phạm.

Phần chung của BLHS quy định mục đích của hình phạt, hệ thống hình phạt, nội dung, điều kiện và phạm vi áp dụng của từng loại hình phạt cụ thể, việc quyết định hình phạt (căn cứ quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt...), miễn hình phạt, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt.

Trong Phần các tội phạm của BLHS, các loại hình phạt và mức hình phạt cụ thể được quy định đối với từng loại tội phạm. Tính chất và mức độ nghiêm khắc của hình phạt định cho các tội phạm cụ thể là xuất pl



chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng tội phạm cũng như yêu cầu đấu tranh phòng và chống loại tội phạm đó. Tội phạm càng nghiêm trọng thì hình phạt càng nghiêm khắc. Sự đa dạng và phong phú về các loại tội phạm đòi hỏi phải có sự đa dạng, phong phú và cân đối về các loại hình phạt với mức độ cường chế nặng, nhẹ khác nhau.

Sự cân đối và tương xứng giữa hình phạt với tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm tạo cơ sở để áp dụng LHS một cách hợp lý, công bằng và có hiệu quả. Hình phạt trong BLHS hiện hành không có quy định những loại hình phạt không xác định đối với tội phạm. Ví dụ, LHS triều Trần đã quy định các hình phạt không xác định có tính chất tùy tiện đối với một số hành vi như nô tỳ kiện chủ nhà, con kiện cha, vợ kiện chồng, học trò kiện thầy... Mặc dù đối với những hành vi này nhà làm luật xác định là những tội phạm nhưng lại không quy định loại và mức hình phạt cụ thể nào mà chỉ quy định đơn giản đó là những tội phạm và phải bị trừng trị [35].

Nguyên tắc pháp chế về hình phạt (*nulla poena sine lege*) có tính tuyệt đối, được áp dụng đối với tất cả các loại hình phạt HPC, HPBS và không có ngoại lệ. Nguyên tắc này đòi hỏi luật pháp chỉ có thể đặt ra những hình phạt thực sự và rõ ràng là cần thiết, có sự cân đối và tương xứng. Hình phạt không được nghiêm khắc quá đáng so với tính chất nghiêm trọng thực tế của hành vi bị pháp luật hình sự cấm. Nguyên tắc pháp chế về hình phạt cũng đòi hỏi nhà làm luật quy định loại hình phạt áp dụng phải đầy đủ, rõ ràng, chính xác. Điều đó có nghĩa là trong điều luật ở Phần chung quy định về mỗi loại HPBS, Nhà làm luật cần phải quy định rõ ràng, đầy đủ và minh bạch nội dung của hình phạt, tránh tình trạng như hiện nay có những HPBS luật không quy định hoặc quy định không đầy đủ nội dung của nó; có trường hợp nội dung HPBS vừa được quy định trong điều luật ở Phần chung của BLHS lại vừa quy định trong một nghị định của Chính phủ (như Nghị định số 53/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001). Ngoài ra, trong điều luật của Phần chung BLHS, khi quy định từng HPBS

Nhà làm luật phải quy định rõ ràng, chính xác điều kiện, phạm vi áp dụng và giới hạn tối thiểu và tối đa của hình phạt đó. Trong phần các tội phạm của BLHS, khi quy định HPBS cũng cần phải phân hoá cụ thể đối với từng điều khoản của từng tội phạm cụ thể. Nguyên tắc pháp chế về hình phạt, trong đó có HPBS đòi hỏi chỉ khi nào điều luật về tội phạm có quy định HPBS nào đó thì Tòa án mới được áp dụng HPBS đó đối với người bị kết án. Khi quyết định HPBS đối với từng trường hợp cụ thể, Tòa án có nghĩa vụ phải tôn trọng giới hạn đã xác định bởi luật. Tòa án không những không có quyền thiết lập hình phạt mới mà còn phải hành động trong những giới hạn mà nhà làm luật đã định. Tòa án không có quyền quyết định hình phạt vượt mức tối đa mà khung hình phạt quy định đối với tội phạm mà họ xét xử, nhưng trong những trường hợp hợp nhất định Tòa án có quyền quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất mà điều luật quy định hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn (Điều 47 BLHS năm 1999). Trong trường hợp điều luật về tội phạm có quy định HPBS dưới dạng bắt buộc thì Tòa án phải áp dụng với bị cáo, không được phép lẩn tránh.

Ngày nay, khi bản thân các quan hệ kinh tế luôn vận động, phát triển trong sự đan xen phức tạp, nhất là trong điều kiện nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế sâu rộng như giai đoạn hiện nay ở nước ta thì một yêu cầu cấp bách đặt ra là phải có những thay đổi tương ứng trong pháp luật, trong đó có LHS. Sự thay đổi này của LHS đồng nghĩa với quá trình tội phạm hoá và phi tội phạm hoá; hình sự hoá và phi hình sự hoá.

Khi có một đạo luật hình sự mới thì nguyên tắc pháp chế về hình phạt được thể hiện: nếu đạo luật mới nghiêm khắc hơn so với đạo luật cũ sẽ không được áp dụng đối với hành vi phạm tội xảy ra trước khi đạo luật mới có hiệu lực thi hành (*lex praevia*). Với tinh thần đó, điều luật quy định một tội phạm mới, một HPBS nặng hơn không được áp dụng đối với những hành vi được thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành. Tương tự, trường hợp để rộng phạm vi áp dụng của đạo luật



định mới, thay đổi chế độ tái phạm, tái phạm nguy hiểm, chế độ tổng hợp hoặc không tổng hợp hình phạt hoặc bổ sung HPBS mới hoặc bỏ trường hợp giảm hình phạt, miễn hình phạt, hạn chế phạm vi áp dụng án treo... và các quy định khác làm xấu tình trạng của người phạm tội đều không được áp dụng đối với hành vi phạm tội xảy ra trước khi điều luật đó có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, trong LHS hiện đại, đều có quy định những trường hợp ngoại lệ thì đạo luật hình sự lại có hiệu lực hồi tố, đó là trường hợp liên quan tới đạo luật hình sự mới nhưng nhẹ hơn, ít nghiêm khắc hơn so với đạo luật cũ. Hiệu lực hồi tố của đạo luật hình sự ít nghiêm khắc hơn (còn được gọi là hiệu lực hồi tố in mitius) được thừa nhận không chỉ ở Việt Nam mà còn ở LHS của đại đa số các nước trên thế giới. Nó được chấp nhận là vì lợi ích xã hội và lợi ích của chính cá nhân người phạm tội. Theo nguyên tắc này thì điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới, hoặc mở rộng điều kiện, phạm vi áp dụng những chế định khác theo hướng có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành.

Việc quy định hình phạt chỉ có thể và phải được quy định trong đạo luật hình sự sẽ tránh được tình trạng vô pháp luật, tùy tiện, xâm phạm thô bạo các quyền và tự do của công dân trong việc áp dụng LHS, tình trạng như vậy đã hay xảy ra trong các thời kỳ lịch sử phong kiến, Pháp thuộc trước đây ở nước ta, cũng như thời kỳ Trung Cổ ở châu Âu lục địa.

3) Hình phạt do Tòa án áp dụng đối với chính cá nhân người đã có lỗi trong việc thực hiện một tội phạm và theo một trình tự riêng biệt.

Điều 127 Hiến pháp năm 1992 quy định Toà án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Điều 1 Luật Tổ chức Tòa án năm 2002 xác định chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh tế, lao động, hành chính. Theo Điều 26 BLHS năm 1999,

cũng chỉ có Tòa án là cơ quan duy nhất mới có quyền nhân danh Nhà nước quyết định một người có phải chịu hình phạt hay không và nếu phải chịu thì loại và mức hình phạt cụ thể được áp dụng như thế nào.

Hình phạt do Tòa án quyết định đối với người phạm tội phải được tuyên công khai tại phiên tòa và bằng một bản án. Quá trình xét xử và quyết định hình phạt của Tòa án phải tuân thủ nghiêm ngặt các thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Toàn bộ quá trình tố tụng hình sự đưa đến việc Tòa án xét xử để định tội và áp dụng hình phạt đối với người phạm tội đều do các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước tiến hành, đó là: Cơ quan điều tra thực hiện các hoạt động điều tra tội phạm; Viện kiểm sát thực hiện công tác kiểm sát điều tra, thực hành quyền công tố của Nhà nước, thay mặt Nhà nước truy tố bị can và buộc tội bị cáo trước Tòa án. Còn Tòa án thực hiện hoạt động xét xử theo trình tự Luật Tố tụng hình sự (LTTHS) quy định. Việc LHS quy định hình phạt do Tòa án quyết định là đảm bảo sự thận trọng, khách quan toàn diện và triệt để trách oan, sai và như vậy phù hợp với Điều 8 của Tuyên ngôn toàn thế giới về Nhân quyền năm 1948: “Mỗi người đều có quyền được thực sự bảo vệ tại các Tòa án có thẩm quyền trong nước để chống lại những hành động xâm phạm các quyền cơ bản đã được hiến pháp hay luật pháp của các nước đó thừa nhận” [36].

Hình phạt với ý nghĩa là biện pháp cưỡng chế Nhà nước nhằm thực hiện quan hệ pháp lệnh hình sự (PLHS) nảy sinh giữa người có hành vi phạm tội và Nhà nước. Do đó, hình phạt chỉ có thể áp dụng đối với chính người có hành vi phạm tội. Hình phạt là hậu quả pháp lý của tội phạm, là công cụ để thực hiện TNHS. Theo LHS Việt Nam thì TNHS là TNHS cá nhân. Điều 2 BLHS năm 1999 quy định: “Chỉ người nào phạm một tội được quy định trong BLHS mới phải chịu trách nhiệm hình sự”. Vì vậy, hình phạt chỉ có thể áp dụng đối với chính cá nhân người phạm tội, chứ không được né tránh áp dụng với tập thể, với các thành viên gia đình hoặc đối với những người



khác của người phạm tội. Đặc điểm này nói lên tính chất cá nhân của hình phạt nói chung và HPBS nói riêng. Đó cũng là sự thể hiện yêu cầu bảo vệ quyền con người trong xã hội ta.

4) Hình phạt là công cụ đảm bảo cho LHS có thể thực hiện được nhiệm vụ bảo vệ cũng như nhiệm vụ đấu tranh phòng và chống tội phạm

Hình phạt nói chung và HPBS nói riêng là biện pháp đặc thù của LHS, cho nên nhiệm vụ của LHS cũng đương nhiên là nhiệm vụ của hình phạt.

Hình phạt bảo đảm cho LHS có thể thực hiện được nhiệm vụ "bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, chống mọi hành vi phạm tội; đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm" (Điều 1 BLHS). Hình phạt có thể đảm bảo cho LHS thực hiện được những nhiệm vụ nói trên, bởi lẽ khi được áp dụng đối với người phạm tội, hình phạt nhằm cải tạo, giáo dục người phạm tội không phạm tội mới, đồng thời hình phạt còn nhằm giáo dục mọi công dân tôn trọng pháp luật, đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.

2.2. Những đặc điểm riêng

Là bộ phận cấu thành của hệ thống hình phạt (HTHP) trong BLHS, HPBS cũng mang những đặc điểm chung của hình phạt như đã trình bày ở trên. Tuy nhiên là loại hình phạt áp dụng kèm theo HPC nên HPBS còn chứa đựng những đặc điểm riêng vốn có của nó. Những đặc điểm đó là:

1) HPBS chỉ được áp dụng kèm theo HPC

Khi nhân danh Nhà nước tuyên bố bản án kết tội đối với người bị kết án, Tòa án có thể áp dụng một trong các HPC được quy định trong điều luật về tội phạm cụ thể: Cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình. "Đối với mỗi

tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một HPC và có thể bị áp dụng một hoặc một số HPBS" (khoản 3 Điều 28 BLHS). Đây là một đặc điểm quan trọng của HPBS giúp phân biệt sự khác nhau rõ nét nhất giữa loại hình phạt này với HPC.

Theo quy định trên, HPC, về nguyên tắc luôn luôn được áp dụng độc lập, không phụ thuộc vào các loại hình phạt khác. Đối với mỗi một tội phạm Tòa án chỉ có thể áp dụng một HPC. Trong khi đó HPBS không được áp dụng độc lập mà chỉ có thể được áp dụng kèm theo HPC. Nếu bị cáo không bị áp dụng HPC thì Tòa án cũng không được áp dụng HPBS đối với họ. Trong trường hợp một người bị kết án về nhiều tội, thì HPBS của tội nào chỉ được áp dụng kèm theo HPC của tội ấy, không tuyên HPBS chung chung cho tất cả các tội.

Quy định tính chất đặc thù này của HPBS, theo chúng tôi xuất phát chính từ chức năng của HPBS là củng cố, tăng cường hiệu quả của việc áp dụng hình phạt, tức là HPBS giúp cho việc xử lý tội phạm được toàn diện và triệt để, tăng cường thêm tác dụng phòng ngừa riêng và răn đe chung của HPC. Mặt khác, nếu giả sử HPBS được áp dụng độc lập thì do mức độ trừng trị, cường chế của nó ít nghiêm khắc, nên mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung cũng khó đạt được trong thực tiễn áp dụng và thi hành.

Mặc dù chỉ được áp dụng bổ sung cho HPC, nhưng HPBS có ưu điểm nổi bật thể hiện trong vai trò phòng ngừa tội phạm, tức là việc áp dụng HPBS có hiệu quả loại trừ các điều kiện phạm tội. "Hình phạt bổ sung tác động trực tiếp vào hoàn cảnh khách quan làm cho người phạm tội mất đi các điều kiện xã hội có thể để tái phạm. Các điều kiện xã hội có thể là chức vụ công tác, nghề nghiệp chuyên môn, nơi cư trú, điều kiện đi lại hay tiền bạc tài sản của người bị kết án".

2) HPBS là biện pháp cưỡng chế Nhà nước ít nghiêm khắc hơn so với HPC

Như trên chúng tôi đã trình bày, việc quy định HPBS đối với tội phạm là giúp xử lý tội phạm được triệt để, bổ sung h



HPC đảm bảo thực hiện được mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung, củng cố thêm kết quả của HPC đã đạt được. Vì thế, nhìn chung HPBS là ít nghiêm khắc hơn HPC, nó được quy định luôn đi kèm và bổ sung cho HPC.

Chúng ta không phủ nhận một thực tế là khi xem xét đánh giá, so sánh riêng lẻ giữa một số HPBS với HPC, cho thấy mức độ nghiêm khắc của HPBS có khi còn cao hơn HPC. Ví dụ: Hình phạt tịch thu tài sản so với hình phạt tiền với tính chất là HPC hoặc cải tạo không giam giữ; hình phạt quản chế với hình phạt cảnh cáo. Tuy vậy, nhìn một cách tổng thể thì HPC vẫn là biện pháp cưỡng chế Nhà nước nghiêm khắc hơn nhiều so với HPBS. Chính vì vậy, Nhà làm luật phải cân nhắc thận trọng khi quy định HPBS nào có thể được áp dụng kèm theo HPC nào để có thể phát huy được vai trò của HPBS với tư cách là hình phạt hỗ trợ cho HPC; tránh tình trạng HPBS được quy định lại nghiêm khắc hơn HPC mà nó được áp dụng kèm theo. Còn đối với cơ quan xét xử, trong khi quyết định HPBS, cần phải xem xét cân nhắc kỹ lưỡng về tình hình cụ thể của vụ án, kết hợp hài hoà các ưu điểm của HPC và HPBS, qua đó, tăng cường được hiệu quả của HPBS, đảm bảo được tốt khả năng cá thể hoá TNHS và hình phạt.

3) Hình phạt bổ sung được quy định bắt buộc áp dụng hoặc tùy nghi áp dụng.

Việc áp dụng HPBS có thể ở dạng tùy nghi hoặc bắt buộc là một đặc điểm đặc thù riêng của HPBS. Trong trường hợp điều luật về tội phạm cụ thể quy định cho phép tùy nghi áp dụng HPBS thì Tòa án phải lựa chọn việc áp dụng HPBS cho phù hợp. Khi xem xét quyết định HPBS, Tòa án cần phải cân nhắc các tình tiết cụ thể của vụ án, tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân người phạm tội và những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, cũng như ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa để quyết định có áp dụng hay không áp dụng HPBS. Ví dụ: Khoản 5, Điều 139 BLHS quy định về việc áp dụng HPBS đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau: "Người nào phạm tội còn có thể phạt tiền từ mười triệu

đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm". Như vậy, trong trường hợp này điều luật quy định tùy nghi, tức là "có thể bị" áp dụng thì Tòa án phải căn cứ toàn diện các tình tiết của vụ án, nhân thân người phạm tội cũng như điều kiện áp dụng HPBS cụ thể để lựa chọn một hoặc áp dụng tất cả các HPBS tại khoản 5 Điều 139.

Đối với các trường hợp luật quy định việc áp dụng HPBS là bắt buộc, tức là "còn bị" thì trong khi quyết định hình phạt, Tòa án phải áp dụng HPBS kèm theo HPC. Dĩ nhiên, khi quyết định HPBS đối với người bị kết án Tòa án vẫn phải xem xét, đánh giá toàn diện các tình tiết của vụ án, nhân thân người bị kết án để quyết định mức HPBS cụ thể, trong giới hạn tối thiểu và tối đa luật định. Ví dụ: Khoản 4 Điều 294 BLHS quy định người phạm tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm. Trong trường hợp này Tòa án bắt buộc phải tuyên cấm người bị kết án không được đảm nhiệm chức vụ điều tra viên hoặc kiểm sát viên trong khoảng thời hạn từ một đến năm năm, kể từ sau khi người bị kết án chấp hành xong HPC. Tuy nhiên, có thể có những trường hợp do tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân người phạm tội tương đối tốt thì Tòa án có thể áp dụng chế định miễn hình phạt theo Điều 54 BLHS.

Nghiên cứu cho thấy, trong khi BLHS năm 1985 quy định HPBS với tính cách bắt buộc áp dụng là phần lớn, thì trái lại trong BLHS năm 1999 chỉ có một số ít trường hợp được luật quy định có tính chất bắt buộc, đó là các trường hợp quy định tại các Điều 166, 221, 256, 278, 279, 280, 282, 283, 284, 285, 286, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 302, 303, 306 và 307. Hầu hết các tội có quy định bắt buộc áp dụng HPBS trên đây tập trung chủ yếu vào các tội phạm liên quan đến chức vụ và h



HPBS đối với những tội này là hình phạt "cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định

Việc quy định hai phương thức áp dụng HPBS như trên giúp cho việc thực hiện nguyên tắc cá thể hóa TNHS, bảo đảm sự phân hóa TNHS một cách triệt để.

4) Tòa án có thể áp dụng một hoặc một số HPBS kèm theo HPC đối với mỗi tội phạm.

Chúng ta biết, mặc dù HPC là loại hình phạt được tuyên độc lập, nhưng về nguyên tắc đối với mỗi tội phạm, Tòa án chỉ có thể tuyên một HPC mà điều luật về tội phạm ấy có quy định, trừ trường hợp vận dụng Điều 47 BLHS áp dụng HPC khác nhẹ hơn luật quy định. "Việc nhà làm luật chỉ rõ đối với người phạm tội chỉ có thể áp dụng một hình phạt chính là thể hiện khía cạnh ngang nhau của nguyên tắc công bằng trong việc quy định hình phạt". Còn đối với HPBS, luật quy định không được áp dụng độc lập đối với mỗi tội phạm cụ thể và không được áp dụng với tất cả các tội phạm được quy định trong BLHS. Tòa án chỉ có thể áp dụng kèm theo HPC một hoặc nhiều HPBS đối với một tội phạm cụ thể (khoản 3 Điều 28 BLHS). Đây là đặc điểm đặc thù của HPBS so với HPC. Ví dụ, A phạm tội sản xuất hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh theo khoản 3 Điều 157 BLHS, kèm theo hình phạt tù có thời hạn, Tòa án có thể áp dụng khoản 5 Điều 157 phạt A hình phạt cấm hành nghề dược từ 1 năm đến 5 năm hoặc có thể áp dụng đồng thời cả ba HPBS được quy định tại khoản 5 Điều 157 là: phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc liên quan đến nghề y dược. Tuy nhiên, Tòa án chỉ có thể áp dụng HPBS đối với một người trong một bản án kết tội về một tội phạm mà người đó thực hiện, nhưng chỉ trên cơ sở điều luật về tội phạm có quy định. Trong số 267 điều luật về tội phạm ở Phần các tội phạm BLHS chỉ có 164 điều luật có quy định HPBS., còn lại 103 điều không quy định HPBS. Nên khi áp dụng 103 điều luật về tội phạm còn lại Tòa án không được phép áp dụng bất kỳ HPBS

nào. Việc LHS quy định một hoặc nhiều HPBS chỉ có thể được áp dụng kèm theo HPC là "thể hiện khía cạnh phân phối của nguyên tắc công bằng trong việc quy định hình phạt".

5) HPBS không được áp dụng đối với người bị kết án là chưa thành niên phạm tội.

Người chưa thành niên phạm tội là người mà sự phát triển về thể chất có sự không tương xứng với quá trình phát triển về nhân cách, năng lực trí tuệ, nhân sinh quan và thế giới quan để hình thành toàn bộ những đặc điểm tâm sinh lý của một người bước vào độ tuổi thành niên. Ở họ đang diễn ra một sự biến đổi sâu sắc về sinh học, có những mâu thuẫn gay gắt trong sự phát triển nhân cách. Sự phát triển về thể chất cũng như về các đặc điểm nhân thân khác chịu sự tác động có tính quyết định của môi trường sống. Vì vậy, LHS Việt Nam không coi người chưa thành niên phạm tội có năng lực TNHS như người đã thành niên phạm tội. Họ là những người mà năng lực trách nhiệm hình sự còn hạn chế và do vậy lỗi của họ cũng là lỗi hạn chế. Điều này đòi hỏi phải có chính sách cũng như quy định riêng về trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với những người chưa thành niên đã phạm tội. Tại đoạn 3 khoản 5 Điều 69 quy định: "... Không áp dụng các HPBS đối với người chưa thành niên phạm tội". Chúng tôi cho rằng đây là quy định thể hiện rõ nét nguyên tắc nhân đạo của LHS Việt Nam. Thực tiễn cho thấy nếu áp dụng HPBS đối với người bị kết án là người chưa thành niên sẽ dẫn tới hiệu quả của hình phạt không cao hoặc không đạt được. Trong lứa tuổi này, đa số các em trong lứa tuổi từ 14 tuổi nhưng chưa đến đủ 18 tuổi chưa có hoặc có nhưng hạn chế về nghề nghiệp, tiền, tài sản... không đảm bảo cho việc thi hành HPBS. Mặt khác, Người chưa thành niên phạm tội có đặc điểm là họ chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm sinh lý, vì vậy nguyên tắc chủ yếu của đường lối xử lý hành vi phạm tội của họ là nhằm giáo dục họ có ý thức tôn trọng pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội, giúp đỡ họ có điều kiện sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích ch



6) HPBS không đòi hỏi một bộ máy thi hành án công kênh, tốn kém.

Đặc điểm riêng về việc thi hành HPBS trên đây chính là ưu điểm vượt trội của nó so với HPC. Đối với các HPC, việc thi hành án sau khi bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật đòi hỏi sự phối hợp rất chặt chẽ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan công an, gây rất tốn kém kinh phí nhà nước. Ví dụ: Trong thi hành án hình phạt tù, người bị kết án tù bị đưa vào thụ hình tại trại giam. Họ phải lao động cải tạo và học tập ở đó dưới sự quản lý, giám sát của một bộ máy quản lý công kênh bao gồm ban giám thị trại giam, đội ngũ cán bộ quản giáo... Đồng thời Nhà nước phải đảm bảo các điều kiện thiết yếu trong sinh hoạt của các phạm nhân, gây tốn kém kinh phí của Nhà nước.

Trái lại, việc tổ chức thi hành HPBS đơn giản, gọn nhẹ không những không đòi hỏi một bộ máy thi hành án công kênh, không tốn kém kinh phí của Nhà nước mà còn phát huy được vai trò tích cực của chính quyền địa phương, đoàn thể quần chúng, tổ chức xã hội và công dân trong việc giáo dục, cảm hoá, giám sát, theo dõi, giúp đỡ người phải chấp hành HPBS và phòng ngừa việc tiếp tục việc thực hiện tội phạm mới của họ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Khoa triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Giáo trình triết học Mác-Lênin - Chủ nghĩa duy vật biện chứng*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2005.
- [2] Trần Văn Độ, *Quan niệm mới về hình phạt*, trong Chuyên đề của Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp "Bộ Luật hình sự: Thực trạng và phương hướng đổi mới", tháng 9/1994.
- [3] Immanuel Kant, *Metaphysische anfangsgruende der rechtslehre*, in: Thomas Vormbaum (Hrsg.), *Texte zur Strafrechtstheorie der Neuzeit*, Baden-Baden, 1993.
- [4] [Http://de.wikipedia.org/wiki/Straftheorie#Die_absolute_Straftheorie](http://de.wikipedia.org/wiki/Straftheorie#Die_absolute_Straftheorie).
- [5] Đào Trí Úc, *Luật hình sự Việt Nam*, quyển I: Những vấn đề chung, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000.
- [6] J.J. Haus, *Principes généraux du droit pénal*, 2e éd., Gand, 1874.
- [7] A.Merkel, *Ueber vergeltende Gerechtigkeit*, in: ders., *Kriminalistische Abhandlungen*, Bd. I, 1867.
- [8] Phạm Văn Beo, Bàn về khái niệm hình phạt, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, Số 10 (2005) 8.
- [9] Jean Pradel, *Droit pénal comparé*, *Dalloz*, No 459, (1995) 567.
- [10] Rossi, *Traité de droit pénal*, Édition Bruxelles 1835.
- [11] J.J. Haus, *Principes généraux du droit pénal*, 2e éd., Gand, No 28 (1874).
- [12] Nguyễn Huy Chiêu, *Hình luật*, Cử nhân năm thứ hai niên học 1974-1975, Sài Gòn, 1975.
- [13] A.Merkel, *Ueber vergeltende Gerechtigkeit*, in: ders., *Kriminalistische Abhandlungen*, Bd. I, 1867.
- [14] R.V. Hippel, *Deutsches Strafrecht*, Bd. 1, 1925 (Neudruck 1971).
- [15] H.L.A. Hart, *Prolegomenon to the Principles of Punishment*, in: ders., *Punishment and Responsibility*, Oxford, 1968.
- [16] Association Henri Capitant, *Vocabulaire Juridique*, publié sous la direction de GEARD CORNU, 6e édition, PUF, 1996.
- [17] Jescheck/Weigend, *Lehrbuch des Strafrechts*, Allgemeiner Teil, Berlin, 1996.
- [18] Lê Văn Cẩm, *Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự* (Phần chung), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
- [19] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), *Trách nhiệm hình sự và Hình phạt*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2001.
- [20] Võ Khánh Vinh, Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 1994.
- [21] Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, *Hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
- [22] Lê Cẩm, Hình phạt và biện pháp tư pháp trong Luật hình sự Việt Nam, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, Số 8 (2000) 10.
- [23] Lê Cẩm, Một số vấn đề cơ bản về hình phạt trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 9 (2001) 36.
- [24] Gaston Stefani, *Georges Levasseur*, Bernard Bouloc, *Droit pénal général*, 17e éd, Dalloz, 2000.
- [25] Anni Beziz-Ayache, *Dictionnaire de droit pénal général et procédure pénale*, 2 éd., ellipses, Paris, 2003.
- [26] Association Henri Capitant, *Vocabulaire Juridique*, publié sous la direction de GEARD CORNU, 6e édition, PUF, 1996.
- [27] [Http://www.prof-wolf.de/UEbungsaeflle.4993.0.html](http://www.prof-wolf.de/UEbungsaeflle.4993.0.html);
- [28] [Http://www.lexexakt.de/glossar/nebens](http://www.lexexakt.de/glossar/nebens)



- [29] *Bách khoa toàn thư Việt Nam* (dictionary.bachkhoatoanthu.gov.vn, mục 17: Luật học).
- [30] Trần Văn Độ, Một số ý kiến về quyết định hình phạt bổ sung, *Tạp chí Tòa án Nhân dân*, Số 7 (1990).
- [31] Viện Khoa học pháp lý, *Bộ Tư pháp, Hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
- [32] Võ Khánh Vinh, Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 1994.
- [33] Các Mác-ăngghen, *Toàn tập*, Tập 8, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.
- [34] Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam* (Phần chung), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
- [35] Phạm Khiêm Ích, Hoàng Văn Hào, *Quyền con người trong thế giới hiện đại*, Viện Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội, 1995.
- [36] Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, *Hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.

On concepts and features of additional penalties in the Penal Code

Trinh Quoc Toan

*School of Law, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

In the article the author has clarified the function of the concept additional penalty on the basis of research in the theory of punishment in the world and theories of punishment by the scholars of Vietnam and has defined science on additional penalties. Based on the features of penalties if the message was and analyze specific characteristics of the additional penalty in the relationship between the general and the individual, which are characteristic: the Court applied included under penalty of; less stringent than the penalty, may apply one or more additional penalties attached to the penalty for each crime, does not apply to juvenile offenders

